TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST Ngày: 28 – 8 – 2023 V/v "Tranh chấp xin ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Dương.

Ông Đỗ Trọng Nghĩa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị Thanh Th, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Võ Văn S, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2023 nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh Th trình bày: Bà và ông Võ Văn S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn phù hợp, mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Bà và ông S đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn S.

Về con chung: Bà và ông S có ba người con chung tên Võ Thị M, sinh năm 1999, Võ Thị N, sinh năm 1999 và Võ Thị L, sinh năm 2003. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Võ Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bà Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà vẫn bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị Thanh Th khởi kiện xin ly hôn với ông Võ Văn S, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bà Bùi Thị Thanh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên toà. Ông Võ Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên ông S vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoảng 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà Th, ông S tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Thanh Th và ông Võ Văn S tự nguyện chung sống vào năm 1999, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, bà Th xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tính tình không còn phù hợp. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn S. Ông S đã được Toà án tống đạt thông báo về việc bà Th xin ly hôn, tuy nhiên ông S từ chối nhận văn bản tố tụng và không có ý kiến phản hồi. Xét thấy việc bà Th và ông S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định nên không được pháp luật thừa nhận. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Bùi Thị Thanh Th và ông Võ Văn S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Th và ông S có ba người con chung tên Võ Thị M, sinh năm 1999, Võ Thị N, sinh năm 1999 và Võ Thị L, sinh năm 2003. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

[4] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Bùi Thị Thanh Th phải nộp 300.000 đồng. Bà Th đã dự nộp 300.000

đồng theo biên lai thu tiền số 0020510 ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Thị Thanh Th và ông Võ Văn S là vợ chồng.

Về con chung: Bà Th và ông S có ba người con chung tên Võ Thị M, sinh năm 1999, Võ Thị N, sinh năm 1999 và Võ Thị L, sinh năm 2003. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Bùi Thị Thanh Th phải nộp 300.000 đồng. Bà Th đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0020510 ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Dung